TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập -Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 07/2019/DS-ST
Ngày:15/3/2019
*V/v: "**Tranh chấp đòi tài sản**"*
*và "**Hợp đồng hợp tác**"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Nguyễn Hòa Hợp**;

-*Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Bà **Lý Thị Bé Năm**;

+ Bà **Phạm Thị Phượng**;

-*Thư ký phiên tòa*: Bà **Tăng Thị Điền**, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Liễu** - Kiểm sát viên.*

Trong các ngày 01/3 và 15/3/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 189/2018/TLST-DS ngày 14/9/2018 về việc "*Tranh chấp đòi tài sản và hợp đồng hợp tác*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2a/2019/QĐXX-ST ngày 14/01/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST-DS ngày 30/01/2019; Quyết định Tạm ngừng phiên tòa số 08/2019/QĐST của Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: **Huỳnh Kim K**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Khu phố Z, thị trấn H, huyện T, tỉnh Tiền Giang;

- Đại diện ủy quyền: **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: , tỉnh Tiền Giang;

* **Bị đơn**: **Võ Văn T,** sinh năm 1972;

Nguyễn Thị M, sinh năm 1979;

Cùng địa chỉ: ấp Q, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang;

* **Người làm chứng**:

- Phạm Thị B, sinh năm 1968;

Địa chỉ: ấp Y, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

- Cao Thị Kim H, sinh năm 1978;

Địa chỉ: ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

- Đinh Thị T, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp U, xã R, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

- Nguyễn Thị G, sinh năm 1967;

Địa chỉ: ấp K, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

(Có mặt **bà T, ông T, bà M, chị H, chị T, bà G)**

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai,Biên bản hòa giải,tại phiên Tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Minh T trình bày:*

Năm 2005 bà K có quen biết bà M nên có hùn vốn làm gia công hạt điều, đến năm 2015 bà K và bà M lãi được số tiền 92.000.000 đồng và chia lãi mỗi người 46.000.000 đồng. Nhưng bà M thỏa thuận bằng miệng mượn lại số tiền lãi 46.000.000 đồng và hỏi bà K mượn thêm số vàng là 30 chỉ vàng 24k để mua ô tô, bà K đồng ý cho bà M mượn không có ghi biên nhận. Đến năm 2016 bà K tiếp tục hùn vốn với bà M để thuê người khác đan giỡ xách, bà K hùn 11 chỉ vàng 18k và 25.000.000 đồng, sau đó bà K bị bệnh nên bà K có thỏa thuận với bà M cho rút số vốn là 11 chỉ vàng 18k ra không tiếp tục hùn vốn nữa. Bà M đồng ý cho bà K rút vốn ra, nhưng chưa trả bà số vàng 18k.

Năm 2014 bà K và bà M có hùn mua 01 chiếc xe tải loại 3,5 tấn do bà K đứng tên xe để phục vụ cho vận chuyển hạt điều. Đến năm 2016 bà K và bà M đồng ý bán chiếc xe tải được số tiền là 115.000.000 đồng, số tiền này bà K và bà M thỏa thuận trả nợ chung trong thời gian gia công hạt điều là 15.000.000 đồng, 50.000.000 đồng hùn đương giỡ xách (bà K 25.000.000 đồng, bà M 25.000.000 đồng) còn lại 50.000.000 đồng chia nhau giữa bà K và bà M mỗi người 25.000.000 đồng. Đến tháng 5/2017 bà K bị bệnh nên yêu cầu bà M cho rút 25.000.000 đồng tiền vốn ra không hùn nữa, bà M đồng ý nhưng bà M chỉ trả cho bà 21.012.000 đồng, còn lại 3.988.000 đồng chưa trả. Nay bà M còn nợ bà K với tổng số tiền là 49.988.000 đồng và 41 chỉ vàng (Trong đó 30 chỉ vàng 24k và 11 chỉ vàng 18k). Bà K đã nhiều lần yêu cầu bà M trả tiền, vàng nhưng bà M không trả. Nay bà K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M và ông T trả cho bà số tiền là 49.988.000 đồng và 41 chỉ vàng (Trong đó 30 chỉ vàng 24k và 11 chỉ vàng 18k). Trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Tại bản tự khai và biên bản hòa giải bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Trước đây giữa bà và bà Huỳnh Kim K có hùn làm gia công hạt điều cho công ty, nhưng chỉ thế chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà và của bà K không ai xuất tiền hùn. Một thời gian sau bà và bà K lấy tiền của công nhân (tiền lương) để mua chiếc xe ô tô tải 3,5 tấn (do bà K đứng tên) để chở hàng, đến năm 2016 thì ngưng không làm hạt điều nữa và bán chiếc xe được 115.000.000 đồng, lúc đó người mua xe trả tiền, có mặt cả 2 bên nên đã cùng trả nợ chung

15.000.000 đồng số tiền còn lại thì chia đôi và bà K đã nhận đủ số tiền 50.000.000 đồng. Đối với số vàng 30 chỉ vàng 24kr bà có mượn của bà K vào năm 2014 để mua xe, nhưng sau đó bà đã trả hết cho bà K trong thời hạn chưa đến 01 năm, bà trả làm 4 lần, lần đầu trả 10 chỉ vàng 24kr tại nhà bà Bảy G, lần 2 trả bằng tiền (trị giá của 6 chỉ vàng 24kr) tại nhà bà Bảy G, lần 3 trả tiền (tương đương với 4 chỉ vàng 24kr) bà G mua dùm cho bà K. Như vậy những lần trả tiền, vàng đều có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị G. Đến khoảng năm 2016 bà và bà K có hùn làm giỏ xách, vốn ban đầu là 2.000.000 đồng, mỗi người 1.000.000 đồng, sau đó thiếu đến đâu thì hùn vàng đến đó, bà hùn nhiều lần tổng cộng vàng là 11,426 chỉ vàng 18kr và 7 chỉ vàng 24kr, còn bà K hùn 11,77 chỉ vàng 18kr. Số tiền và vàng hùn là do bà K giữ và chi tiêu, bà chỉ ghi sổ khoản hơn 1 năm thì không làm nữa do bà K bệnh, bán hết giỏ xách được 29.387.000 đồng, bà K giữ lại, sau đó hai bà kinh doanh trở lại nhưng do bà K phải điều trị bệnh trong khoảng thời gian dài nên bà đồng ý cho bà K lấy hết số tiền đó, bà chưa được chia khoản tiền nào. Nay bà K yêu cầu bà trả nợ bà không đồng ý.

* Tại bản tự khai bị đơn ông Võ Văn T trình bày: Việc hùn vốn làm ăn và vay vàng giữa bà K và bà M ông không nắm rõ và không hề hay biết nên không đồng ý trả số tiền 49.988.000 đồng và 41 chỉ vàng (Trong đó có 30 chỉ vàng 24kr và 11 chỉ vàng 18kr tương đương giá trị thành tiền là 126.200.000 đồng theo yêu cầu của bà K.

* Ngày 30/10/2018 bà Nguyễn Thị M có đơn phản tố trình bày: Trước đây bà và bà Huỳnh Kim K có hùn làm gia công hạt điều cho công ty, nhưng chỉ thế chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai người, không ai xuất tiền. Một thời gian sau 02 bà lấy tiền lương công nhân mua chiếc xe ô tô tải 3,5 tấn do bà K đứng tên. Đến năm 2016 thì ngưng không làm hạt điều nữa nên bán xe được 115.000.000 đồng, khi bán người mua xe trả tiền có mặt hai bà và đã trả nợ 15.000.000 đồng, số tiền còn lại hai bà chia đôi mỗi người 50.000.000 đồng.

Đến giữa năm 2016 bà và bà K hùn làm giỏ xách, vốn ban đầu là 2.000.000 đồng mỗi người một nữa, sau đó thiếu đến đâu thì hùn vô đến đó, bà đã nhiều lần hùn với số vàng là 07 chỉ vàng 24k và 11,426 chỉ vàng 18kr (số tiền và vàng hùn là do bà K giữ và chi tiêu) bà chỉ ghi sổ. Khoảng 1 năm sau thì không làm nữa do chị Kiều bệnh, và bán hết giỏ sách được 29.387.000 đồng, tiền do bà K giữ để sau đó kinh doanh lại, nhưng do bà K bệnh nên bà đồng ý cho bà K lấy hết số tiền đó để điều trị bệnh.

Nay bà yêu cầu bà Huỳnh Kim K trả cho bà số vàng 07 chỉ vàng 24k và 11,426 chỉ vàng 18k trị giá tại thời điểm khoảng tố là 48.500.000 đồng, đồng ý nhận bằng tiền mặt.

Ngày 30/10/2018 bà Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu xác minh chủ tiệm vàng Minh Tân về việc bà có đặt mua, trả tiền 01 vòng đeo tay trọng lượng 10 chỉ vàng 24k để trả cho bà K.

Ngày 13/12/2018 bà Nguyễn Thị M yêu cầu triệu tập người làm chứng biết rõ sự việc hùn làm ăn giữa bà với bà K.

Các nhân chứng: Phạm Thị B; Cao Thị Kim H; Định Thị Tiếp; Nguyễn Thị G có bản trình bày như sau: Chỉ có làm công cho hai bà K và M và đến cuối tháng quyết toán tiền với bà K ngoài ra không biết việc nợ tiền giữa hai bà K, M như thế nào.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 11/01/2019 bà M xác định khi bán chiếc xe ô tô người mua xe giao tiền có mặt bà và bà K, khi trả nợ 15.000.000đ và khi chia tiền giữa bà và bà K thì chỉ có hai người ngoài ra không có ai chứng kiến việc chia tiền. Bà cũng không yêu cầu thu thập chứng cứ của người mua xe ô tô do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến và cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo pháp luật tố tụng quy định, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt về pháp luật nên không có đề nghị gì.

Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu bà M và ông T trả cho bà K số tiền là 49.988.000 đồng và 41 chỉ vàng (Trong đó 30 chỉ vàng 24k và 11 chỉ vàng 18k).

Về án phí Bà K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị M và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bà M.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa bà Huỳnh Kim K và ông Võ Văn T , bà Nguyễn Thị M là tranh chấp " Đòi tài sản và Hợp đồng hợp tác" được xem xét, giải quyết theo Điều 166 và 504 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Đại diện ủy quyền bà Huỳnh Kim K bà Minh T trình bày bà K và bà Nguyễn Thị M có quan hệ hùn vốn làm gia công hạt điều và giỏ xách từ năm 2015. Trong quá trình hai bên cùng làm ăn có hùn tiền và vàng theo như trình bày của bà K thì bà Nguyễn Thị M và ông Võ Văn T còn nợ lại bà K số tiền, vàng là 49.988.000 đồng và 41 chỉ vàng (Trong đó 30 chỉ vàng 24k và 11 chỉ vàng 18k). Nay bà yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị M và ông Võ Văn T liên đới trả cho bà số tiền, vàng như trên làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Ngày 30/01/2019 bà Nguyễn Thị M có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố ngày 30/10/2018.

Tại phiên tòa hôm nay hai bên vẫn giữ nguyên các yêu cầu. Xét thấy trong quá trình bà K và bà M hùn vốn làm ăn các bên chỉ bàn bạc thống nhất với nhau

bằng miệng về các khoản tiền, vàng hai bên khi hùn và khi chia các khoản lãi cũng như mượn nợ với nhau không có giấy tờ gì để chứng minh rằng ai hùn bao nhiêu và chia khoản lãi bao nhiêu, mượn bao nhiêu tiền. Căn cứ các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình của các bên tại phiên tòa hôm nay cũng như tại biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã Nhị Quý ngày 28/8/2018 bà M trình bày đã trả tất cả số tiền và vàng cho bà K nhưng không trả một lần mà chia ra trả nhiều lần, và cũng khẳng định là đã trả hết số vàng đã mượn dùng để mua xe ô tô và khi trả tiền cho bà K bà K có nói sẽ đem biên nhận cho bà M nhưng đến nay bà M chưa nhận được.

[4] Xét thấy biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã Nhị Mỹ bà Nguyễn Thị M thừa nhận có mượn tiền, vàng của bà K trong quá trình làm ăn. Tuy nhiên bà M thừa nhận đã trả số tiền, vàng nhưng không khẳng định đã trả bao nhiêu lần và bao nhiêu tiền, vàng cho bà K. Do đó biên bản hòa giải này không làm căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

Về số tiền bà K cũng không có gì chứng minh cho rằng bà M mượn lại bà trong quá trình làm ăn. Tại phiên tòa bà T cũng thừa nhận bà K có cho bà M nượn số tiền nhưng không có biên nhận lý do là tin tưởng nhau trong thời gian làm ăn chung. Bà M cũng khẳng định đã trả hết số tiền cho bà K nhưng cũng không thể hiện là đã trả bao nhiêu tiền. Tại phiên Tòa các bên cũng không có chứng cứ, chứng minh khác ngoài các tài liệu có trong hồ sơ. Do đó việc bà K đòi bà M trả số tiền nợ là 49.988.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

Về số vàng bà K đã chứng minh bà M có nhận theo biên nhận đã ghi " M nợ K 3 cây vàng 24, ký tên của bà M". Tại phiên tòa hôm nay bà M thừa nhận có mượn số vàng trên, chữ viết và chữ ký là của bà và bà cũng thừa nhận có mượn 03 cây vàng 24k của bà K nhưng đã trả rồi. Xét thấy lời trình bày của bà M là không có cơ sở bởi lẽ nếu khi trả vàng cho bà K thì bà phải lấy lại biên nhận, hoặc hủy bỏ nhưng hiện nay bà K vẫn còn giữ biên nhận này và khẳng định bà M chưa trả cho bà, lời trình bày của bà K về số vàng 03 cây vàng 24k mà bà M nợ bà là có cơ sở cần chấp nhận.

Tại biên bản đối chất ngày 12/3/2019 bà M thừa nhận chữ viết và ký tên "M nợ K 3 cây vàng 24" bà khẳng định khi viết là tờ giấy trắng. Bà K khẳng định các nội dung có trong tờ giấy là do bà đã ghi trước đó, cho nên chỉ còn khoảng trống gốc trên nên bà M ghi vào chỗ đó.

Xét lời trình bày của bà K là có cơ sở bởi lẽ tại biên nhận nợ này có nhiều nội dung do bà K ghi. Trong đó có nội dung mượn vàng của bà M. Việc bà M cho rằng đã trả xong và hai bên thống nhất hủy cuốn sổ này, lời trình bày của bà M không có gì chứng minh cho việc hai bên thống nhất hủy cuốn sổ do đó cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về 11 chỉ vàng 18k bà K cũng không có gì chứng minh bà M còn nợ số vàng này do đó Hội đồng xét không chấp nhận yêu cầu này của bà K là có cơ sở.

[5] Tại bản tự khai ngày 30/01/2019 bà Nguyễn Thị M xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố đối với bà Huỳnh Kim K. Do đó Hội đồng xét căn cứ Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bà M.

Tại biên bản ghi lời khai chủ tiệm vàng Minh Tân ngày 13/11/2018 ông Nguyễn Văn T trình bày việc bà Nguyễn Thị M và bà Huỳnh Kim K thường xuyên mua vàng tại cửa hàng của ông là bình thường và khách hàng mua thì bán chứ ngoài ra ông không biết hai bà mua dùng về việc gì. Xét lời trình bày của ông T không có cơ sở chứng minh cho việc bà M đã mua vàng trả cho bà K do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại các bản xác nhận của các nhân chứng Phạm Thị B; Cao Thị Kim H; Định Thị Tiếp; Nguyễn Thị G có bản trình bày: Chỉ có làm công cho hai bà K và M và đến cuối tháng quyết toán tiền với bà K ngoài ra không biết việc nợ tiền giữa hai bà K, M như thế nào. Xét các lời trình bày của các nhân chứng họ cho biết chỉ làm công và cũng không biết việc nợ giữa bà K và bà M nên không có cơ sở chấp nhận cho việc bà M đã trả số tiền cho bà K.

Tại bản tự khai cũng như biên bản hòa giải ông Võ Văn T cho rằng việc làm ăn giữa bà K và bà M ông hoàn toàn không biết và ông cũng không đồng ý trả các khoản tiền, vàng theo yêu cầu của bà K là có cơ sở. Bởi lẽ bà M không chứng minh được tài liệu nào cho rằng ông T biết việc hùn vốn giữa hai bà K và bà M do đó không có cơ sở buộc ông T phải liên đới với bà M trả số nợ cho bà K.

Tại phiên Tòa hai bên đương sự thống nhất tính giá vàng của tiệm vàng Kim Trang thị xã Cai Lậy để tính án phí theo quy định.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét ý kiến của Viện kiểm sát Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39,Điều 147, Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 116, Điều 504, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*** Xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Kim K (Đại diện ủy quyền là bà Nguyễn Minh T).

Buộc bà Nguyễn Thị M trả cho bà Huỳnh Kim K số vàng gồm: 30 chỉ vàng 24k (Ba mươi chỉ vàng 24kr) tại thời điểm thi hành án. Trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Kim K yêu cầu bà Nguyễn Thị M trả số tiền nợ 49.988.000 đồng và 11 chỉ vàng 18k.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị M.

- Về án phí:

Các đương sự thống nhất tính giá vàng tại thời điểm xét xử của Tiệm vàng Kim Trang tại thị xã Cai Lậy để tính án phí.

+ Bà Nguyễn Thị M phải chịu 5.460.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo yêu cầu phản tố. Bà đã nộp số tiền là 1.212.500 đồng theo biên lai thu số 0001879 ngày 31/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, nên bà phải nộp tiếp số tiền là 4.247.500 đồng.

+ Bà Huỳnh Kim K phải chịu 3.813.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp số tiền là 4.404.000 đồng theo biên lai thu số 0001828 ngày 11/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy. Nên hoàn lại cho bà số tiền 591.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hòa Hợp

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS TX Cai Lậy;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.